TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/ DS-ST
Ngày 24 - 7 -2018
V/v: " Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP B-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST ngày 11 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 305/2018/QĐST-DS ngày 29/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V.

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà R, số 9, đường Đ, Phường 12, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G, sinh năm 1972.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T, sinh năm 1969 (Theo giấy ủy quyền số 14/UQ-QTRR.17 ngày 22/3/2017).

Ông Lê Hiền T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1987 (Theo giấy ủy quyền số 515/UQTA-QTRR.17 ngày 11/12/2017) (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Căn hộ 618D, Chung cư A, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Vũ Trường S, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số nhà D28, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15/12/2017, tại bản tự khai đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V trình bày: Ngày 11/5/2015 ông Vũ Trường S làm đơn đề nghị vay vốn 20.000.000 đồng, ngày 19/5/2015 Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V (gọi tắt là Công ty) phê duyệt ông Vũ Trường S vay số tiền 18.990.000 đồng với lãi suất 2,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân theo hợp đồng tín dụng số 20150518-200006-0009. Theo thỏa thuận ông Vũ Trường S có trách nhiệm thanh toán gốc và lãi số tiền 26.664.000 đồng, phương thức cho vay trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng. Mỗi tháng trả 1.112.000 đồng trong 23 tháng đầu, tháng cuối cùng trả 1.088.000 đồng. Bắt đầu trả từ ngày 19/6/2015. Thực hiện hợp đồng tín dụng ông S đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty được 09 kỳ với số tiền 11.110.000 đồng gồm tiền gốc là 6.363.771 đồng và tiền lãi là 4.747.229 đồng. Kể từ ngày 15/4/2016 đến nay, ông S không thanh toán bất cứ khoản nào cho Công ty, mặc dù Công ty đã dùng mọi biện pháp nhắc nhở. Vì vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S thanh toán số tiền còn nợ đến ngày 15/12/2017 (ngày nộp đơn khởi kiện) là 15.554.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 12.626.229 đồng, tiền lãi là 2.927.771 đồng). Công ty không yêu cầu ông S phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 15/12/2017 đến khi bản án có hiệu lực. Công ty không yêu cầu gì thêm và Công ty đã nộp đầy đủ chứng cứ tài liệu cho Tòa án.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập ông Vũ Trường S đến Tòa làm việc, hòa giải nhưng ông S vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông S phải có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền 15.554.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 12.626.229 đồng, tiền lãi là 2.927.771 đồng). Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của Công ty, sổ hộ khẩu và đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng thì ông Vũ Trường S, sinh năm 1986 có địa chỉ số nhà D28, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Về thủ tục tố tụng xét xử vắng mặt: Người đại diện theo pháp luật của Công ty ông Lô Bằng G, sinh năm 1972 ủy quyền cho ông Lê Hiền T, sinh năm 1969

theo giấy ủy quyền số 14/UQ-QTRR.17 ngày 22/3/2017. Ông Lê Hiền T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1987 theo giấy ủy quyền số 515/UQTA-QTRR.17 ngày 11/12/2017 thủ tục ủy quyền phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Ông Nguyễn Hoàng V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ biên bản xác minh ngày 06/4/2018 bị đơn ông Vũ Trường S có đăng ký thường trú và vẫn sinh sống tại địa chỉ số nhà D28, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ cho ông S về việc thụ lý vụ án, hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông S vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015**,** Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Trường S phải trả số tiền vay 15.554.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 12.626.229 đồng, tiền lãi là 2.927.771 đồng) mà Công ty đã cho ông S vay để tiêu dùng theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 15/4/2016 ông Vũ Trường S ngưng không trả nợ cho Công ty như thỏa thuận, ngày 15/12/2017 Công ty nộp đơn khởi kiện ông S, căn cứ Điều 688, Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện của Công ty vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[5] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ đơn đề nghị vay vốn 20.000.000 đồng ngày 11/5/2015 của ông S và phê duyệt Công ty cho ông Vũ Trường S vay số tiền 18.990.000 đồng với lãi suất 2,92%/tháng theo hợp đồng tín dụng số 20150518-200006-0009 vào ngày 19/5/2015. Theo thỏa thuận tại hợp đồng ông Vũ Trường S có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và lãi tổng cộng 26.664.000 đồng, phương thức cho vay trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng bắt đầu từ ngày 19/6/2015, mỗi tháng trả 1.112.000 đồng trong 23 tháng đầu, tháng cuối cùng trả 1.088.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng ông S đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty 09 kỳ với số tiền 11.110.000 đồng gồm tiền nợ gốc là 6.363.771 đồng và số tiền lãi là 4.747.229 đồng. Kể từ ngày 15/4/2016 đến nay ông S không thanh toán theo nội dung thỏa thuận. Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S thanh toán số tiền còn nợ đến ngày 15/12/2017 là 15.554.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 12.626.229 đồng, tiền lãi là 2.927.771 đồng). Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông S không có ý kiến phản hồi và cố tình vắng mặt cho thấy ông S đã từ bỏ quyền tự chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết và áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005, buộc ông S phải có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền 15.554.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 12.626.229 đồng, tiền lãi là 2.927.771 đồng). Đối với tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa

thanh toán kể từ ngày 15/12/2017 đến khi bản án có hiệu lực Công ty không yêu cầu ông S phải trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là (15.554.000đ x 5% = 777.700 đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 184; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 429; Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V. Buộc ông Vũ Trường S phải có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V số tiền nợ gốc là 12.626.229 đồng, tiền lãi là 2.927.771 đồng tổng cộng là 15.554.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Ông Vũ Trường S phải nộp 777.700 đồng Hoàn trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V tiền tạm ứng án phí đã nộp 389.000 đồng (theo biên lai số 006386 ngày 09/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Lưu hồ sơ vụ án.(1)
- Lưu văn phòng.(2)
- Các đương sự.(2)
- VKSND TP B.(2)
- THA dân sự TP B.(1)
- TAND tỉnh Đồng Nai. (1)

Hoàng Thị Thu Minh